TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/DS-ST
Ngày 28-8-2026

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tâm

2. Ông Võ Văn Phú

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Hồng Phong – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 – Lâm Đồng: Bà Phạm Viết Diệu Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/TB-TLVA-DS ngày 09 tháng 03 năm 2026 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST – DS ngày 22/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2026/QĐST – DS ngày 10/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Công ty cổ phần M2

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H – Giám đốc vùng xử lý nợ Miền Nam I, theo văn bản ủy quyền số 4263/2025/UQ-GĐ ngày 25/08/2025 Giám đốc Công ty Cổ phần M2.

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, Hà Nội.

Bên được ủy quyền: Ông Hán Ngọc H1 – Chuyên viên xử lý nợ

Ông Trần Vi Quang M – Chuyên viên xử lý nợ

Ông Thiên Việt Q - Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Công ty Cổ phần M2 – Chi nhánh Thành phố H, tầng 4, tòa nhà C, D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ trụ sở: Tòa VPBank Tower, số H L, phường Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1 – Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 1, theo văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/07/2025 của ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP V – V1.

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường Đ, Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền ông:

Ông Trần Vi Quang M – Chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Ông Võ Hoàng Trung N – sinh năm: 1987

Địa chỉ: khu phố N, xã H, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn N, xã H, tỉnh Lâm Đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đoàn Thị N1 – 21/12/1990.

Địa chỉ: thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên toà có mặt đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; Bị đơn ông Võ Hoàng Trung N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Vi Quang M trình bày:

Ông Võ Hoàng Trung N có vay tại V1 các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2412054490814 ngày 09/01/2025

Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán bia và nước ngọt

Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày Bên ngân hàng giải ngân số tiền vay

Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6.19%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong 03 tháng. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 1 tháng 1 lần theo biên độ 3.5%/năm.

Ngày 26/9/2025, Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là "V1") đồng ý bán và Công ty cổ phần M2 (sau đây gọi tắt là "Công ty M2") đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V1 với ông Võ Hoàng Trung N, cụ thể như sau:

- Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2412054490814 ngày 09/01/2025.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M2 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M2.

Tạm tính đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2026, ông N phải trả nợ cho M1 và V1 là:

	MARS (95%)	VPB (5%)	MARS + VPB
Tổng gốc	2,850,000,000	150,000,000	3,000,000,000
Tổng lãi	686,640,999	36,139,000	722,779,999
Tổng cộng	3,536,640,999	186,139,000	3,722,779,999

Đơn vị: Đồng

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 547, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 437598, số vào sổ cấp GCN: CS06302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/6/2018 tại địa chỉ khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/ sử dụng lần cuối ngày 06/6/2019.

Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật theo Hợp đồng thế chấp số LN2412054490814 ngày 07/01/2025, số công chứng 000047, quyển số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD, tại Văn phòng C, số D C, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn.

V1 và M1 đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Đề nghị Tòa án buộc ông N phải thanh toán cho V1 và M1 tổng số tiền là: 3,722,779,999 đồng, trong đó nợ gốc là: 3,000,000,000 đồng, nợ lãi là: 722,779,999 đồng (tạm tính đến hết ngày 28/8/2026), cụ thể:

- Buộc ông N phải thanh toán cho V1 (5%) tổng số tiền là: 186,139,000 đồng, trong đó nợ gốc là: 150,000,000 đồng, nợ lãi là: 36,139,000 đồng;

- Buộc ông N phải thanh toán cho M1 (95%) tổng số tiền là: 3,536,640,999 đồng, trong đó nợ gốc là: 2,850,000,000 đồng, nợ lãi là: 686,640,999 đồng;

2. Ngoài ra, ông N phải thanh toán cho M1 và V1 số tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 29/8/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Lãi phát sinh phải trả cho M1 và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

3. Trường hợp, ông N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì V1 và M1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay là:

Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 547, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 437598, số vào sổ cấp GCN: CS06302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/6/2018 tại địa chỉ khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/ sử dụng lần cuối ngày 06/6/2019.

4. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm nêu trên mà ông N vẫn chưa trả hết nợ thì vẫn phải xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông N để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 và M1 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

*** Tại bản tự khai bị đơn ông Võ Hoàng Trung N trình bày:**

Ông và bà Đoàn Thị N1 – sinh năm: 1990. Địa chỉ: thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng là anh em với nhau. Ông có vay của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (VP .) theo Hợp đồng cấp tín dụng: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2412054490814 ngày 09/01/2025. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng *(Ba tỷ đồng)*. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng nêu trên là: Toàn

bộ Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 547, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 437598, số vào sổ cấp GCN: CS06302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/6/2018 tại địa chỉ khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/ sử dụng lần cuối ngày 06/6/2019. Đứng tên bà Đoàn Thị N1. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2412054490814 ngày 07/01/2025, số công chứng 000047, quyển số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD, tại Văn phòng C, số D C, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến tháng 5/2025 do điều kiện kinh tế khó khăn tôi không đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, đó là trả lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính đến hết ngày 17/04/2026, ông còn nợ ngân hàng V1 tổng số tiền, cụ thể như sau: Tổng cộng là: 3.000.000.000 đồng tiền gốc còn tiền lãi cụ thể do ngân hàng tự tính tôi không nắm được số tiền lãi.

Ông thừa nhận còn nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (VP .) theo hợp đồng tín dụng đã vay giữa ông và ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng tiền lãi theo hợp đồng cụ thể hai bên đã ký kết. Ông đồng ý trả toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng.

Tuy nhiên, hiện tại kinh tế ông không đủ đề trả nợ. Bà Đoàn Thị N1 là em gái ông là chủ sở hữu thửa đất đang thế chấp ngân hàng. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên em ông đã bỏ đi khỏi địa phương, gia đình không liên lạc được. Toàn bộ tài sản thế chấp ngân hàng gồm có quyền sử dụng đất, thanh long trên đất và nhà trên đất do ông quản lý, sử dụng. Đồng thời ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, xét xử của Toà án.

• **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N1**: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Buộc ông Võ Hoàng Trung N phải thanh toán cho V1 và M1 tổng số tiền là: **3.722.779.999** đồng, trong đó nợ gốc là: 3,000,000,000 đồng, nợ lãi là: 722,779,999 đồng tinh đến ngày 28/8/2026**.** Trong đó:

+ Số tiền trả cho V1 ***(5%)*** là 186.139.000 đồng, trong đó nợ gốc là: 150.000.000 đồng, nợ lãi là: 36.139.000 đồng đồng

+ Số tiền trả cho M1 *(95%)* là 3.536.640.999 đồng, trong đó nợ gốc là: 2.850.000.000 đồng, nợ lãi là: 686.640.999 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 29/8/2026 cho đến khi trả dứt nợ và lãi phát sinh kể từ ngày 29/8/2026 cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Võ Hoàng Trung N cư trú thôn N, xã H, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn N, xã H, tỉnh Lâm Đồng). Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Hoàng Trung N có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do và đã được thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên các phương tiện truyền thông (Báo Công Lý trong ba số liên tiếp 54, 55, 56 ra ngày 8, 11, 15/7/20226 và Đài truyền hình Trung ương V2 9 ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 10/7/2026 đến 12/7/2026) nhưng bà Đoàn Thị N1 vẫn không trở về, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 383, 384, 385, 386 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật: Công ty cổ phần M2 (MARS); Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (VP .) khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ Hoàng Trung N trả số tiền gốc, lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, quan

hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty cổ phần M2 (MARS); Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (VP .) yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Võ Hoàng Trung N phải thanh toán cho V1 và M1 tổng số tiền là: **3.722.779.999** đồng, trong đó nợ gốc là: 3,000,000,000 đồng, nợ lãi là: 722,779,999 đồng tinh đến ngày 28/8/2026**.** Trong đó:

+ Số tiền trả cho V1 ***(5%)*** là 186.139.000 đồng, trong đó nợ gốc là: 150.000.000 đồng, nợ lãi là: 36.139.000 đồng đồng

+ Số tiền trả cho M1 *(95%)* là 3.536.640.999 đồng, trong đó nợ gốc là: 2.850.000.000 đồng, nợ lãi là: 686.640.999 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 29/8/2026 cho đến khi trả dứt nợ.

Xét yêu cầu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (VP .) và ông Võ Hoàng Trung N có ký kết hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2412054490814 ngày 09/01/2025. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán bia và nước ngọt**.** Thời hạn vay: 12 tháng. Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6.19%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong 03 tháng. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 1 tháng 1 lần theo biên độ 3.5%/năm.

Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung của hợp đồng cũng không vi phạm điều cấm, không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng tín dụng này là hợp pháp. Do vậy, sau khi ký thì các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân số tiền cho vay, ông Võ Hoàng Trung N đã nhận đủ số tiền vay của hợp đồng tín dụng.

Tuy nhiên sau đó, ông Võ Hoàng Trung N không thực hiện việc trả nợ đúng hạn, làm phát sinh nợ quá hạn như vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng.

Ngày 26/9/2025, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (VP .) đã bán cho Công ty Cổ phần M2 (Mars) và Công ty Cổ phần M2 (Mars) đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V1 với ông Võ Hoàng Trung N cụ thể như sau: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2412054490814 ngày 09/01/2025. 05% còn lại thuộc sở hữu của V1. Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung của hợp đồng cũng không vi phạm điều cấm, không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng tín dụng này là hợp pháp. Do vậy, sau khi ký thì các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Đồng thời, V1 chuyển giao quyền chủ nợ, Mars kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V1 đối với phần khoản nợ đã mua và quyền đối với tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ (nếu có) của ông N.

Về tiền lãi phát sinh: Do các Hợp đồng tín dụng ông Võ Hoàng Trung N đã ký với Ngân hàng TMCP V (V1) phù hợp với các quy định của pháp luật nên các bên phải tuân thủ đúng nội dung của hợp đồng.

Đây là việc vay tiền của tổ chức tín dụng nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết. Như vậy ông Võ Hoàng Trung N phải tiếp tục trả tiền lãi tính kể từ ngày 29/8/2026 cho Ngân hàng TMCP V (V1) trên số nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn tại Hợp đồng đã ký kết. Tại bản tự khai, bị đơn ông Võ Hoàng Trung N đồng ý với số tiền gốc, lãi phải trả cho Ngân hàng. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 Ngân hàng TMCP V (V1) yêu cầu ông Võ Hoàng Trung N phải trả toàn bộ số tiền còn thiếu cùng với tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp nên chấp nhận.

[5]Về tài sản thế chấp: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 547, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 437598, số vào sổ cấp GCN: CS06302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/6/2018 tại địa chỉ khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/ sử dụng lần cuối ngày 06/6/2019 cho bà Đoàn Thị N1.

Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật theo Hợp đồng thế chấp số LN2412054490814 ngày 07/01/2025, số công chứng

000047, quyển số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD, tại Văn phòng C, số D C, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Được đăng ký giao dịch bảo đảm vào lúc 15 giờ 56 phút ngày 07/01/2025 tại Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Bình Thuận.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.0000 đồng theo quy định của pháp luật.

Về chi phí cho việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú do người yêu cầu là nguyên đơn Công ty cổ phần M2 (MARS) số tiền 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng), tại phiên tòa đồng ý chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235, 383, 384, 385, 386 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 93, Điều 95, Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật Thi hành án Dân sự năm 2014;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/10/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Võ Hoàng Trung N phải trả cho Công ty cổ phần M2 (MARS); Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (VP .) tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/8/2026 tổng số nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2412054490814 ngày 09/01/2025 là: 3.722.779.999 đồng (Ba tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm

bảy chín ngàn, chín trăm chín chín đồng), trong đó nợ gốc là: 3,000,000,000 đồng, nợ lãi là: 722,779,999 đồng**.** Trong đó:

+ Số tiền trả cho V1 *(5%)* là 186.139.000 đồng, trong đó nợ gốc là: 150.000.000 đồng, nợ lãi là: 36.139.000 đồng đồng

+ Số tiền trả cho M1 *(95%)* là 3.536.640.999 đồng, trong đó nợ gốc là: 2.850.000.000 đồng, nợ lãi là: 686.640.999 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2026) ông Võ Hoàng Trung N còn phải tiếp tục thực hiện trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ và các khoản phí, lệ phí theo quy định đã ký kết của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp vợ chồng ông Võ Hoàng Trung N không trả được nợ, Công ty cổ phần M2 (MARS); Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (VP .) được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 547, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 437598, số vào sổ cấp GCN: CS06302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/6/2018 tại địa chỉ khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/ sử dụng lần cuối ngày 06/6/2019 cho bà Đoàn Thị N1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2412054490814 ngày 07/01/2025, số công chứng 000047, quyển số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD, tại Văn phòng C, số D C, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Về chi phí tố tụng: Ông Võ Hoàng Trung N hoàn trả lại số tiền chi phí tố tụng cho Công ty cổ phần M2 (MARS) số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà Công ty cổ phần M2 (MARS) đã nộp tạm ứng.

- Công ty cổ phần M2 (M2) phải chịu số tiền 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng) chi phí cho việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Võ Hoàng Trung N phải chịu 106.455.600 (Một trăm lẻ sáu triệu bốn trăm lăm mươi lăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty cổ phần M2 (MARS) số tiền 46.133.964 đồng (bốn mươi sáu triệu một trăm ba ba ngàn, chín trăm sáu bốn đồng) tạm ứng án phí theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000319 Ngày 02/3/2026 đã nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh L

Hoàn trả Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (VP .) đã nộp 3.964.996 đồng (ba triệu chín trăm sáu bốn ngàn chín trăm chín sáu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003185 ngày 02/3/2026 đã nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/8/2026), đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKS khu vực 11 – Lâm Đồng;
-Chi cục THADS khu vực 11 – Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Hồng Vinh Lê Chánh Ngôn Phan Thị Thái